

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2021
(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

- Tên quỹ:	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt Viết tắt: BVBF
- Loại hình quỹ:	Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư:	Tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định.
- Thời gian hoạt động:	Không giới hạn
- Benchmark:	Bình quân lãi suất tiền gửi 06 tháng của 04 ngân hàng VCB, BID, CTG, MBB (chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ)
- Chính sách phân chia lợi nhuận:	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư).
- Số lượng đơn vị quỹ:	10.485.396,35 (thời điểm 31/12/2021)
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Cập nhật theo quy định tại Thông tư 98

<p>- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:</p>	<p>Đại hội Nhà đầu tư thường niên và bất thường năm 2021:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020. - Phê duyệt không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020. - Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2021. - Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVBF năm 2021. - Thông qua danh sách Ban đại diện Quỹ cho nhiệm kỳ 2021-2026. - Thông qua sửa đổi Điều lệ quỹ.
<p>- Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:</p>	<p>Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuân, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (*tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư*):

❖ Theo tài sản:

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)	31/12/2019 (%)
Danh mục trái phiếu	60,51	53,99	57,69
Chứng chỉ tiền gửi	0,00	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi thanh toán	35,54	41,53	37,11
Tài sản khác	3,95	4,48	5,20
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

❖ Theo ngành, lĩnh vực (tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư):

	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)	31/12/2019 (%)
Trái phiếu Chính phủ	39,98	40,91	57,69
Trái phiếu doanh nghiệp	20,53	13,08	0,00

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)	31/12/2019 (VNĐ)
GTTSR	179.866.577.052	177.608.845.746	136.679.211.560

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

	31/12/2021 (VNĐ/CCQ)	31/12/2020 (VNĐ/CCQ)	31/12/2019 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ	17.154	16.384	15.708

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	31/12/2021 (CCQ)	31/12/2020 (CCQ)	31/12/2019 (CCQ)
Số CCQ	10.485.396,35	10.840.260,99	8.701.128,34

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp nhất trong năm:

	Năm 2021 (VNĐ/CCQ)	Năm 2020 (VNĐ/CCQ)	Năm 2019 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ cao nhất	17.154	16.614	15.708
GTTSR/CCQ thấp nhất	16.427	15.495	13.732

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(369.949.863)	(18.086.278.966)	9.098.535.836

Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (trái tức, tiền gửi...)	10.107.448.026	5.232.171.535	11.306.466.696
Chênh lệch mua bán chứng khoán	-	24.640.879.511	-
Thu nhập khác	-	6.979.320.641	-
Tổng chi phí	1.473.963.033	2.501.270.882	3.675.593.487
Tổng lợi nhuận	8.263.535.130	16.264.821.839	16.729.409.045

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có. Thời điểm gần nhất là 18/05/2020, ngày chi trả là 10/06/2020.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có. Kỳ chi trả năm 2020 như sau: trước khi chi trả (12/05/2020: 16.602VNĐ/CCQ), sau khi chi trả (19/05/2020: 15.589VNĐ/CCQ)
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2021	0,8%
Tỷ lệ chi phí cuối quý IV năm 2021	0,7%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2021	25,97
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2021	14,90

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/ reverse repo: Không có

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm): 8.263.535.130VNĐ

- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): 13.752.588.671 VNĐ
- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): 10.882.385.847VNĐ

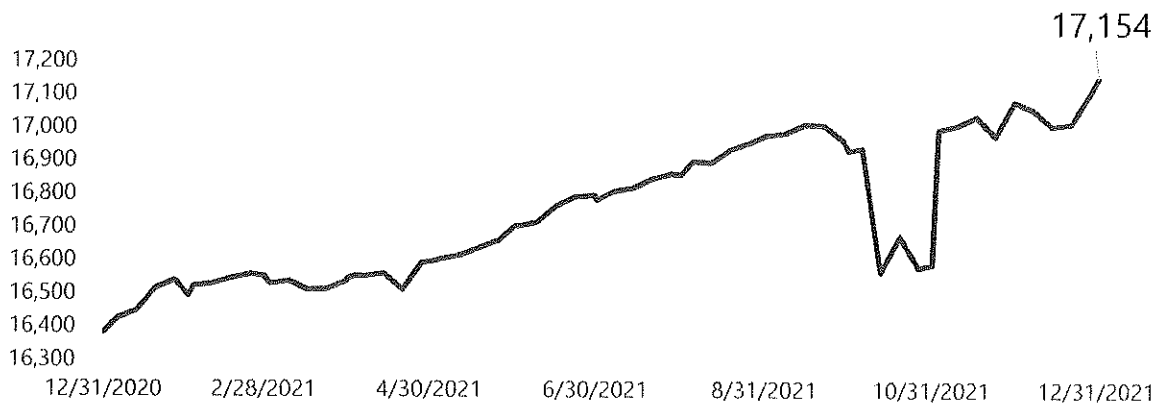
c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV – Chi nhánh Hà thành.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường

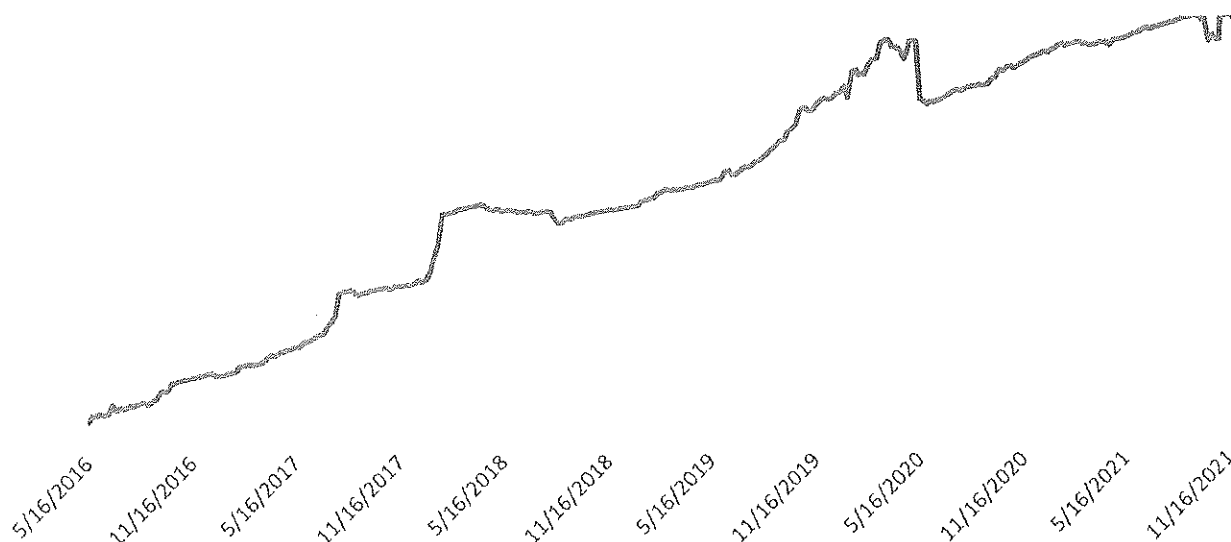
d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.
- Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: NAV cuối năm 2021 là 17.154 VNĐ/CCQ, tăng 4,7% so với cuối năm 2020 và bám sát benchmark lãi suất tiền gửi 6 tháng của VCB, BID, CTG, MBB (4,725%).
- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



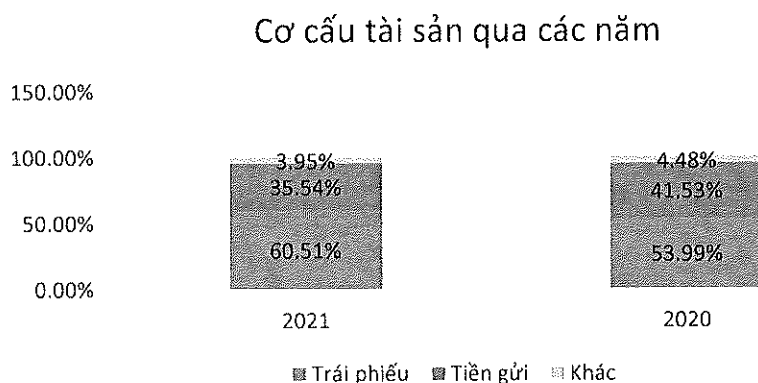
- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):



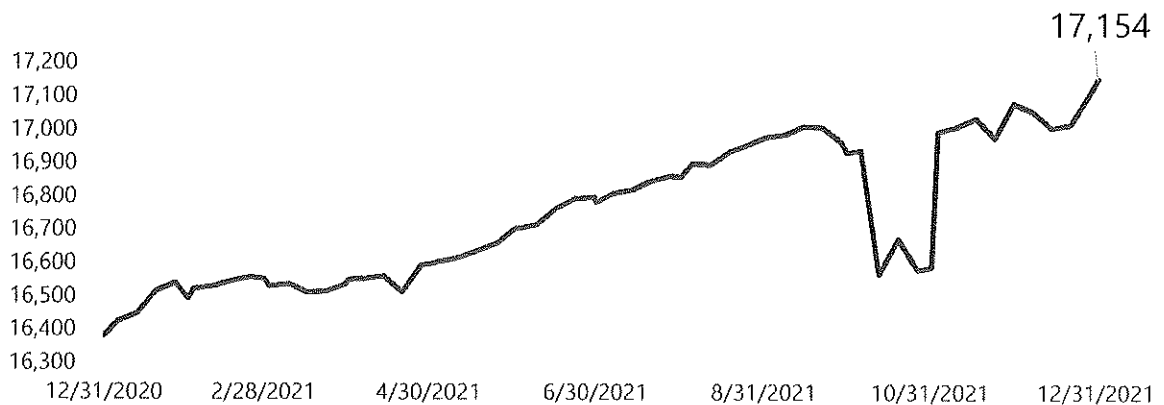
- e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, tập trung khai thác các yếu tố mang tính nền tảng, dài hạn của nền kinh tế, thị trường lãi suất cố định cũng như doanh nghiệp. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được cấu trúc theo hướng đa dạng hóa, kết hợp giữa các tài sản có mức độ rủi ro từ thấp đến cao theo tỷ lệ phù hợp để đạt được mục tiêu đầu tư. Bên cạnh đó, trong quá trình đầu tư, ngoài việc bám sát mục tiêu dài hạn, Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ linh hoạt tận dụng các cơ hội thị trường để gia tăng giá trị cho Quỹ.

- f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:



- g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có):



- h. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô:

- Tăng trưởng GDP năm 2021 chỉ đạt 2,58% và là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây do tác nhân chính là dịch Covid-19 tại Việt Nam với đỉnh điểm là việc giãn cách xã hội trong Quý III/2021 tại các trung tâm kinh tế – xã hội lớn trên toàn quốc.
- Bình quân cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với cùng kỳ năm trước, mức thấp nhất kể từ năm 2016.

Thị trường tiền tệ

- Lãi suất VNIBOR về cơ bản diễn biến theo xu hướng đi ngang ở mặt bằng thấp trong năm 2021 trừ một số ít phiên tăng đột biến ở thời điểm cuối tháng/quý do biến động thanh khoản tạm thời. Nhìn chung, thanh khoản của hệ thống NHTM ở trạng thái dồi dào do tăng trưởng tín dụng ở mức thấp trước khi có sự chuyển biến trong Quý IV/2021, ngoài ra việc mua ngoại tệ với giá trị lớn của SBV qua đó cung ứng một lượng lớn VND cho hệ thống NHTM.
- Tương tự diễn biến lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất huy động cũng ở mặt bằng thấp xuyên suốt trong năm 2021, kể cả trong Quý IV/2021 khi tăng trưởng tín dụng đã tăng tốc. Theo thống kê, mặt bằng lãi suất huy động trong năm 2021 nằm ở mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Thị trường trái phiếu

- Thị trường sơ cấp: lãi suất trúng thầu TPCP các kỳ hạn có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2021. Nhìn chung, lãi suất trúng thầu trong năm 2021 nằm trong vùng lãi suất thấp nhất trong lịch sử. Trong năm 2021, KBNN đã phát hành được khoảng 318.000 tỷ đồng TPCP, giảm 1,8% so với kết quả thực hiện năm 2020 và chỉ bằng 85,3% kế hoạch phát hành cả năm (kế hoạch đã điều chỉnh).

- Thị trường thứ cấp: lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp chỉ vận động trong biên độ hẹp trong năm 2021, đặc biệt là các TPCP có kỳ hạn dài (≥ 7 năm). So với mặt bằng lãi suất năm 2020, lãi suất giao dịch các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm hiện tại thấp hơn từ 26 - 50 điểm, trong khi lãi suất các kỳ hạn từ 1-3 năm cao hơn từ 25-30 điểm. Đường cong lợi suất TPCP có xu hướng bẻ dốc hơn so với năm 2020 (lãi suất kỳ hạn dài giảm nhẹ, lãi suất kỳ hạn ngắn tăng nhẹ so với mặt bằng năm 2020).
 - Thị trường TPDN: quy mô phát hành TPDN đạt 553 nghìn tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2020. Trong đó, nhóm Ngân hàng và BĐS vẫn dẫn đầu với tỷ lệ là 37% và 36%. Chênh lệch lãi suất giữa trái phiếu do NHTM phát hành và nhóm doanh nghiệp khác ngày càng lớn. Kỳ hạn phát hành trái phiếu cũng đa dạng hơn. Trong khi đối với NHTM, kỳ hạn trung bình trên 5 năm thì với nhóm DN khác, kỳ hạn trung bình tăng lên đáng kể do nhiều TP phát hành có kỳ hạn lên tới 10 – 15 năm.
- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (*nếu có*): không có
 - j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có
 - k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (*nếu có*): không có.
 - l. Các thông tin khác (*nếu có*): không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (*nếu có*): không có.
- b. Việc lưu ký tài sản của quỹ: đáp ứng các yêu cầu.
- c. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.
- d. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.
 - Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2020	10.840.260,99CCQ
Tổng số chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ	3.226.440,17CCQ

Tổng số chứng Quỹ mua lại trong kỳ	3.581.304,81CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021	10.485.396,35CCQ

- e. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ; trong năm báo cáo, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Số tiền hoặc tỷ lệ
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	4,61%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	3,91%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	25,83%

- b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.
- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ.

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Số tiền
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	380.698.700 VND
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	247.598.700 VND
Chi phí trả cho NH LKGS	133.100.000 VND

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ được ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI), Fincorp. Theo đánh giá của BVF, VSD, BVSC, JSI và Fincorp đều là các đơn vị có uy tín, kinh

nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm 2021 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF).

Trân trọng./.



TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình An